

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng  
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền, Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn P** – sinh năm: 19xx.

Nơi cư trú: K866/17 đường N, tổ 28 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng L** – sinh năm: 20xx.

Nơi cư trú: 535 đường N, tổ 12 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Đà Nẵng. (Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

\* Nguyên đơn, ông Lê Văn P trình bày:

Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 167 ngày 11/10/2019), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Ông P cho rằng trong quá

trình chung sống, đến năm 2021 giữa ông và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng qua điểm sống, bà L dẫn theo con bỏ nhà đi, bản thân ông P và gia đình đã nhiều lần khuyên bà L quay về nhưng không được, bà L sử dụng ma túy nên bị đưa đi cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Sau khi bà L bị đưa đi cai nghiện, ông P đã đem con về nhà nuôi dưỡng. Nay ông P xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông Lê Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng L có 01 con chung: Lê Văn K – sinh ngày 22 tháng 11 năm 20xx. Ly hôn, ông P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng L không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lê Văn P xác định ông và bà L không có nợ chung.

\* Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Lê Văn P kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Qua thời gian sinh sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã ly thân 4 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông P yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị Hồng L xác định bà và ông Lê Văn P có một con là Lê Văn K – sinh ngày 22 tháng 11 năm 19xx. Ly hôn, bà L đồng ý giao con cho ông Phước trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L xác định giữa bà và ông Lê Văn P không có tài sản chung, nợ chung.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị Hồng L; Về con chung: đề nghị giao ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Văn K – sinh ngày 22 tháng 11 năm 19xx, bà L không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà L xác định không có. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[ 1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng L có đăng ký cư trú tại địa chỉ tổ 12 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa

án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 167 ngày 11/10/2019), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị Hồng L: Tại phiên tòa, ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà L. Tại bản tự khai, bà L cũng xác định vợ chồng không chung sống 4 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông P và bà L không hạnh phúc đã nhiều năm nay, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được nên căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị Hồng L là phù hợp.

- Về con chung: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L xác định ông, bà có 01 con chung là Lê Văn K – sinh ngày 22 tháng 11 năm 20xx.

Ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai của bà L thì bà cũng đồng ý giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con chung của ông P là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông Lê Văn P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa ông Lê Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng L không có tài sản chung. Tại bản tự khai bà L cũng xác định bà và ông P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tại phiên tòa ông Lê Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng L không có nợ chung. Tại bản tự khai bà L cũng xác định bà và ông P không có nợ chung

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lê Văn P phải chịu: 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P về việc: “*Ly hôn, nuôi con*” đối với bà Nguyễn Thị Hồng L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Ông Lê Văn P được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng L.

2. Về quan hệ con chung:

Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L xác định có 01 người con tên: Lê Văn K – sinh ngày 22 tháng 11 năm 20xx.

Xử: Giao ông Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Văn K cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Hồng L không cấp dưỡng nuôi con.

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng L không có nợ chung.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình ông P đã nộp theo biên lai thu số 0007518 ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường A, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

**Phạm Thanh Anh**

